

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **186/2025/KDTM-PT**

Ngày: 18/6/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt

Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 191/KDTMPT ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa:

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 118/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2513/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7776/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công Ty TNHH N

Địa chỉ trụ sở: Số 1430 đường P, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh V;

Địa chỉ: 23 (Lầu 2) đường L, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 01/12/2021).

2. Bị đơn: Trường Đại học T

Địa chỉ: Số 19 đường N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S - Chức vụ: Phụ trách khoa luật hoặc/và ông Nguyễn Ngọc Q - Chức vụ: TP. Kế hoạch-Dự án. (Theo Giấy ủy quyền số 3106/GUQ-TĐT ngày 27/10/2022).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tổng Liên đoàn.

Địa chỉ: Số 82 đường T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Liên đoàn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1973 và/ hoặc bà Quan Gia B, sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền số 7352/GUQ-TLĐ ngày 29/8/2023).

Phiên tòa có mặt ông V, ông S, ông Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/11/2019, Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có ký Hợp đồng kinh tế “V/v giao nhận thầu xây lắp”, số 01/11/TĐT-NH/11/11/2019 với Trường Đại học T. Gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A), công trình Trường Đại học T, cơ sở T, địa điểm: Số 19 đường N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; thời gian thi công là 55 ngày.

Theo đó, Công ty N đã tiến hành thi công hoàn thành 100% các hạng mục công trình và có Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình ngày 02/10/2020 và đã bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng.

Giá trị hợp đồng là 8.500.000.000 (tám tỷ, năm trăm triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh 1.580.652.948 (một tỷ, năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng), nên giá trị quyết toán được điều chỉnh thành 10.080.652.948 (mười tỷ, không trăm tám mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Về thanh toán: Trường Đại học T đã tạm ứng cho Công ty N ngày 25/11/2019 số tiền là 2.550.000.000 (hai tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng) và thanh toán đợt 1 ngày 27/01/2020 là 2.498.512.500 (hai tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, năm trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng), tổng cộng giá trị đã thanh toán là 5.048.512.500 (năm tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng). Như vậy, giá trị còn lại chưa thanh toán là 5.032.140.448 (năm tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Ngày 02/10/2020 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng công trình với kết luận “Hội đồng nhất trí nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng”, theo thỏa thuận tại khoản 7.2 Điều 7 của hợp đồng thì thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu, do đó xác định ngày Trường Đại học T vi phạm hợp đồng tính từ ngày 16/10/2020.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, Công ty N đã gửi công văn (số 01-11CV.2020) đề nghị Trường Đại học T quyết toán hợp đồng nói trên. Tuy nhiên, Trường Đại học T vẫn chưa thanh toán. Tiếp sau đó, từ tháng 11/2020 đến tháng 10/2021, Công ty N liên tiếp gửi thêm 07 công văn với nội dung đề nghị chủ đầu tư quyết toán hợp đồng nói trên, nhưng đến nay Trường Đại học T vẫn không thanh toán số tiền còn lại cho Công ty N. Trong khi đó, để thi công hoàn thành công trình theo hợp đồng,

Công ty N đã phải đi vay ngân hàng, mua vật tư, thuê nhân công, máy thi công và hiện phải trả nợ cho ngân hàng.

Theo thỏa thuận tại Điều 13 của hợp đồng “*Bên A vi phạm thời hạn thanh toán theo cam kết tại Điều 7 của hợp đồng, thì bên A phải chịu phạt 30.000.000 (ba mươi triệu đồng)/01 ngày chậm trễ. Số tiền phạt chậm thanh toán sẽ được bên A thanh toán vào giá trị quyết toán/thanh lý hợp đồng*”.

Nhận thấy Trường Đại học T vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Trường Đại học T thanh toán cho Công ty N giá trị còn lại theo hợp đồng là 5.032.140.448 (năm tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng);

- Buộc Trường Đại học T phải thanh toán cho Công ty N số tiền phạt (theo thỏa thuận tại hợp đồng) do chậm thanh toán từ ngày 02/10/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, mỗi ngày 30.000.000 (ba mươi triệu đồng).

** Tại bản trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện ngày 19/9/2023 và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn trình bày:* Hồ sơ mời thầu do bị đơn đăng trên báo và cung cấp cho nguyên đơn đều thể hiện nguồn vốn của bị đơn là nguồn vốn tự có, trong quá trình thi công thì đại diện của bị đơn giám sát, nghiệm thu rất chặt chẽ, thực tế công trình đã hoàn thành từ tháng 02/2020 và nguyên đơn đã nhiều lần làm việc yêu cầu bị đơn thực hiện thủ tục quyết toán và thanh lý hợp đồng nhưng không thực hiện. Ngày 02/10/2020 hai bên mới ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình. Sau đó nguyên đơn đã 8 lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn thanh quyết toán hợp đồng nhưng bị đơn cũng không thực hiện. Nay nguyên đơn xác định cụ thể yêu cầu như sau:

- Buộc Trường Đại học T thanh toán cho Công ty N giá trị còn lại theo hợp đồng là 5.032.140.448 (năm tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng);

- Buộc Trường Đại học T phải thanh toán cho Công ty N số tiền phạt vi phạm hợp đồng và lãi chậm thanh toán theo quy định của Luật thương mại (theo thỏa thuận tại hợp đồng) từ ngày 16/10/2020 đến ngày 20/9/2023, mỗi ngày 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) với tổng số tiền là 32.100.000.000 (ba mươi hai tỷ, một trăm triệu đồng).

Trường hợp chậm thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật thì Trường Đại học T còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ thì Công ty N đã nộp đủ và Công ty N hoàn toàn tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Người đại diện của bị đơn trình bày:

Ngày 11/11/2019, Trường Đại học T ký Hợp đồng kinh tế số 01/11/TDT-NH/11/11/2019 với Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N), gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)”, do Công ty N thực hiện. Thông tin cụ thể về gói thầu như sau: Dự án Trường Đại học T; gói thầu thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A); Chủ đầu tư - Trường Đại học T; đơn vị thi công - Công ty N; giá trị hợp đồng: 8.500.000.000 (tám tỷ, năm trăm triệu đồng), giá trị đã thanh toán: 5.048.512.500 (năm tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) (bao gồm tạm ứng và thanh toán đợt 1); đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH E; đơn vị thẩm tra bản vẽ thi công và dự toán công trình: Công ty TNHH T; đơn vị tư vấn giám sát: Trung tâm tư vấn và kiểm định Xây dựng thuộc Trường Đại học T cử giám sát thi công công trình gồm: Nguyễn Cao T (Giám sát trưởng), Phùng Minh N và nhân viên Trung tâm tư vấn và Kiểm định Xây Dựng: Huỳnh Minh K.

Gói thầu đã được Công ty N thi công xong từ tháng 02/2020 tuy nhiên vẫn chưa ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, các bên chưa tổ chức thực hiện quyết toán công trình. Tuy nhiên, về việc nghiệm thu, quyết toán và thanh toán các gói thầu, trong đó có gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)” do với Công ty N thực hiện gặp một số vấn đề sau:

- Ngày 07/11/2019, Tổng Liên đoàn có kết luận kiểm tra số 1690/KLKT-TLĐ trong đó xác định nguồn vốn của Trường thực hiện là vốn nhà nước ngoài ngân sách, vì vậy công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản của Trường phải tuân thủ theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu. Kết luận cũng nêu rõ “*Chủ đầu tư (Trường Đại học T) đã không tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu dẫn đến vi phạm và sai phạm trong công tác trình thẩm định thiết kế, dự toán; công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng, công tác nghiệm thu thanh toán... từ đó gây thất thoát trong công tác đầu tư xây dựng*”.

- Tại Thông báo kèm theo Quyết định số 1243/QĐ-TLĐ ngày 24/8/2020 và Công văn số 1265/TLĐ ngày 18/11/2020 Tổng Liên đoàn yêu cầu Trường Đại học T: “*rà soát toàn bộ trình tự, thủ tục đầu tư các dự án và thực hiện việc thẩm định dự toán công trình, kiểm tra khối lượng thiết kế, khối lượng hoàn thành và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, tiến hành quyết toán các dự án hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu chỉ được phép thanh toán với các nhà thầu, nhà cung cấp khi đã đảm bảo đầy đủ điều kiện thanh toán theo đúng quy định của pháp luật*”.

- Thực hiện Kết luận kiểm tra của Tổng Liên đoàn, Nhà trường đã tiến hành rà soát các dự án đang triển khai. Đối với gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)” do Công ty N thực hiện, sau khi rà soát, có một số vấn đề phát sinh như sau:

(1) Khi tiến hành dự án này, người có thẩm quyền của Trường Đại học T đã xác định sai nguồn vốn (cho rằng vốn đầu tư là vốn khác) nên đã không áp dụng các thủ tục đầu tư theo đúng pháp luật về đầu tư công, dẫn đến việc Nhà trường không thực hiện đúng các thủ tục đầu tư theo pháp luật.

(2) Nhà trường không thực hiện đúng pháp luật về đấu thầu khi lựa chọn nhà thầu. Việc ký kết hợp đồng với Công ty N được thực hiện giản lược và không đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu.

(3) Khi thực hiện gói thầu, Hiệu trưởng Trường Đại học T đã không thực hiện việc trình Hội đồng trường nên hồ sơ thiếu quyết định phê duyệt chủ trương của Hội đồng trường.

(4) Không thực hiện việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể là:

- Tại Văn bản số 3895/TLĐ-TC ngày 05/4/2022 của Tổng Liên đoàn về việc “Hướng dẫn xác định nguồn vốn thực hiện đầu tư xây dựng của Trường Đại học T”, theo đó Tổng Liên đoàn đã kết luận các dự án đầu tư xây dựng của Trường Đại học T đều sử dụng nguồn vốn được xác định là “Vốn đầu tư công”. Theo nghị định quản lý dự án tại thời điểm hiện tại, khoản 3 Điều 12 của nghị định số 15/2021/NĐ-CP thì công trình trên thuộc đối tượng được người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc làm chủ trì thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- Nhà trường đã thuê Công ty TNHH T thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình.

(5) Quyết định phê duyệt BCKTKT số 1992/2019/TĐT-QĐ ngày 15/7/2019 do Hiệu trưởng ký chứ không phải do Hội đồng trường ký.

(6) Không lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể của dự án.

(7) Thiếu thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

(8) Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 2019/2019/TĐT-QĐ ngày 17/7/2019 và Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 2818/2019/TĐT-QĐ ngày 02/10/2019 do Hiệu trưởng ký, không phải do Hội đồng trường ký.

(9) Phần khối lượng phát sinh chưa được phê duyệt chủ trương, chưa lập bản vẽ thiết kế và dự toán phần phát sinh.

Theo kết luận kiểm tra của cơ quan kiểm tra và cơ quan chủ quản, Trường Đại học T phải rà soát và chỉ nghiệm thu, thanh toán khi có căn cứ việc thực hiện dự án là đúng quy định pháp luật và không gây thất thoát tài sản công. Với những chỉ đạo của Cơ quan chủ quản và thực tế sai phạm của gói thầu, Nhà trường chưa thể tiến hành thực hiện nghiệm thu, thanh toán cho gói thầu, Nhà trường chỉ có thể thực hiện nghiệm thu và thanh toán khi các sai phạm trên được khắc phục.

Do có những sai sót và việc không tuân theo pháp luật khi đầu tư và khi đấu thầu như đã nêu trên nên việc nghiệm thu công trình và việc thanh toán cho Công ty N không thể thực hiện được. Vì vậy, bị đơn đề nghị xem xét giải quyết các vấn đề sau để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật được thực hiện triệt để:

Thứ nhất, gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)” mà phát sinh tranh chấp trong vụ án này với Công ty N chưa được thẩm định dự toán theo đúng quy định của pháp luật, do đó, đề khắc phục một phần sai sót và để đảm bảo tuân thủ pháp luật, đề nghị tiến hành thẩm định giá bởi một bên thẩm định độc lập và có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, hiện nay, những sai sót hoặc vi phạm về đầu tư, đấu thầu và xây dựng đối với gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)” là không thể khắc phục, nhất là trong công tác hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu công trình. Do đó, Nhà trường đã nhiều lần làm việc và xin ý kiến của cơ quan chủ quản là Tổng Liên đoàn để giải quyết dứt điểm, song cho đến nay vẫn chưa có phương án giải quyết phù hợp. Do vậy, đề nghị (1) tiến hành giám định khối lượng và chất lượng thi công, thẩm định giá đối với công trình của Công ty N trong gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)”. Trên cơ sở đó xác định chính xác kết quả thực hiện gói thầu của nhà thầu nhằm đảm bảo cơ sở để Nhà trường tiến hành nghiệm thu, (2) để Nhà trường thực hiện thanh toán phần giá trị còn lại thì cần phải thực hiện việc nghiệm thu công trình. Nhà trường đề nghị trung cầu ý kiến của Tổng Liên đoàn và các cơ quan chuyên môn để hướng dẫn Nhà trường tiến hành nghiệm thu gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A)” theo nguyên tắc đảm bảo tuân thủ pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện của bị đơn trình bày:* Việc ký kết và thực hiện hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn chỉ giao cho nguyên đơn san lấp mặt bằng như hợp đồng đã ký giữa hai bên. Tuy nhiên về giá trị khối lượng thực tế đã thi công thì chưa có cơ sở để xác định cụ thể, cần phải giám định, định giá đối với giá trị đã thi công thì mới xác định được bị đơn còn nợ bao nhiêu tiền. Nếu trường hợp xác định được giá trị thi công thực tế thì thỏa thuận tại Điều 13 của hợp đồng kinh tế 01 về phạt vi phạm hợp đồng 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng/01 ngày chậm trễ là trái với quy định của pháp luật vì trường Đại học T là đơn vị sử dụng vốn tự có hay vốn vay thì cũng là sử dụng vốn đầu tư công - ngoài ngân sách Nhà nước nên theo khoản 1 và khoản 2 Điều 146 của Luật Xây dựng năm 2014 thì đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước, mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Còn về tiền lãi chậm thanh toán thì chỉ áp dụng Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tối đa là 20%/năm, không thể áp dụng mức phạt 30.000.000 (ba mươi triệu đồng)/01 ngày được. Do đó, nguyên đơn chưa có cơ sở để thanh toán cho bị đơn.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Liên đoàn trình bày:

Hợp đồng kinh tế số 01/11/TĐT-NH/11/11/2019 ngày 11/11/2019 về việc thực hiện gói thầu thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô A6), công trình Trường Đại học T, cơ sở T; địa điểm xây dựng: số 19 đường N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh” do Trường Đại học T ký kết với Công Ty TNHH N nên việc đề nghị thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Trường Đại học T nên đề nghị Công ty N liên hệ làm việc với Trường Đại học T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 118/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công Ty TNHH N:

Buộc Trường Đại học T phải trả cho Công Ty TNHH N ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền là 7.668.877.207 đồng (Bằng chữ: bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm linh bảy đồng).

Kể từ ngày Công Ty TNHH N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Trường Đại học T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công Ty TNHH N đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 29.463.263.241 đồng (Bằng chữ: hai mươi chín tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2023, bị đơn là Trường Đại học T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm về các nội dung: Đề nghị xem xét giá trị còn lại của hợp đồng để xác định chính xác số tiền mà Trường Đại học T còn phải thanh toán cho công ty N; xác định lại số tiền phạt hợp đồng và lãi suất chậm trả trên cơ sở xác định lại số tiền còn phải thanh toán. Ngày 04/10/2023, nguyên đơn là Công ty TNHH N có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về việc đề nghị chấp nhận phạt hợp đồng theo thỏa thuận các bên tại Điều 13 Hợp đồng số 01 năm 2019, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày ý kiến:

Công ty N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm đối với phần tiền phạt và lãi chậm thanh toán, cụ thể như sau:

Buộc Trường Đại học T phải thanh toán cho Công ty N số tiền phạt và lãi do chậm thanh toán (theo quy định của Luật Thương mại) theo thỏa thuận tại hợp đồng, từ ngày 16/10/2020 đến xét xử phúc thẩm mỗi ngày 30.000.000 (ba mươi triệu đồng). Cụ thể từ ngày 16/10/2020 đến ngày 18/6/2025 là 1707 ngày x 30.000.000 đồng, tổng cộng là 51.210.000.000 (năm mươi một tỉ, hai trăm mười triệu đồng). Thanh toán 01 lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực thi hành. Yêu cầu này của công ty N là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 13 Hợp đồng và Điều 418 Bộ luật dân sự. Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán tiền phạt được tính theo thỏa thuận tại khoản 7.2, Điều 7 của hợp đồng, thì thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu. Ngày 02/10/2020 hai bên đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng với kết luận: “*Hội đồng nhất trí nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào*

sử dụng”. Do đó xác định ngày bị đơn vi phạm hợp đồng tính từ ngày 16/10/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh khối lượng giá trị 1.580.652.948 (một tỷ, năm trăm tám mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng). Việc phát sinh, điều chỉnh giá các bên có thỏa thuận tại Điều 6.3 của Hợp đồng và được Công ty N, chủ đầu tư và các bên liên quan xác nhận tại quyển Hồ sơ giá trị quyết toán ngày 02/10/2020.

Công ty N có ý kiến về kết luận giám định như sau:

Hồ sơ các bên cung cấp cho Tòa đã thể hiện khối lượng, cụ thể: Bảng tổng hợp khối lượng + Diễn giải khối lượng (số 01/DGKL) đã được đại diện bên A là Công ty tư vấn và kiểm định xây dựng; Giám sát; Ban quản lý dự án - Trường đại học T ký xác nhận ngày 02/10/2020, cùng các tài liệu khác như Bản vẽ hoàn công san nền, hồ sơ quản lý chất lượng... đã chứng minh khối lượng thi công tổng cộng là: 54.295,930 m³, trong đó khối lượng theo hợp đồng là 45.782,300 m³, khối lượng phát sinh là: 8.513,6m³ (không quá 20% khối lượng theo hợp đồng), phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế “V/v giao nhận thầu xây lắp”, số 01/11/TĐT-NH/11/11/2019, nên việc giám định khối lượng là không cần thiết.

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án trưng cầu giám định, căn cứ Chứng thư giám định về khối lượng (số 24G03GND03779-01, ngày 04/9/2024) của Công ty TNHH Giám định V, kết quả khối lượng san lấp chỉ là: 39.673,31 m³ rõ ràng là thấp hơn nhiều so với hồ sơ hoàn công. Nguyên nhân là do từ thời điểm nghiệm thu tháng 10/2020 đến thời điểm giám định tháng 8/2024 là gần 4 năm, chắc chắn có sự thay đổi về cao độ giữa hai thời điểm nghiệm thu và thời điểm giám định. Cao độ giảm do nền hạ trước khi san lấp bị sụt lún theo thời gian, cộng với yếu tố thời tiết... kéo theo khối lượng tính toán bị giảm, nên kết quả giám định khối lượng nêu trên là không chính xác.

Việc thẩm định giá: Bên B cũng không đồng ý việc thẩm định giá, vì đơn giá thi công san lấp 168.783 đồng/m³ là giá trúng thầu và các bên đã căn cứ vào đó xác lập, thực hiện hợp đồng và đã quyết toán đợt 1 theo đơn giá trên, nên việc thẩm định giá là không cần thiết.

Công ty N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp sơ thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng Công ty N đã nộp đủ và tự nguyện chịu.

Đối với chi phí thẩm định khối lượng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX buộc bị đơn nộp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trình bày ý kiến: Trường Đại học T giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Trường xác nhận Công ty N đã ký hợp đồng, có thực tế thi công nhưng phía bị

đơn không thể xác nhận được khối lượng mà công ty N đã thi công là bao nhiêu. Căn cứ hợp đồng các bên đã ký chỉ thỏa thuận thi công từ lô 1 đến lô 6. Nhưng hiện tại phát sinh khối lượng của lô 6A, 6B, 7.1 và 7.2 là nằm ngoài hợp đồng. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá tính pháp lý về thẩm quyền ký kết cũng như giá trị hợp đồng các bên đã ký do toàn bộ vốn nhà trường là vốn đầu tư công, xác định đúng giá trị và khối lượng mà công ty N đã thực hiện để làm căn cứ cho trường thanh toán cho công ty, không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 11/6/2008 của Thủ tướng chính phủ có cơ sở xác định Trường Đại học T trước đây là trường bán công trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nay được chuyển đổi sang thành trường đại học công lập trực thuộc và chịu sự quản lý của Tổng Liên đoàn. Do đó, nguồn vốn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản của Trường Đại học T là nguồn vốn phải chịu sự điều chỉnh theo Luật Đầu tư công và tài sản hình thành tại Trường Đại học T thuộc Tổng Liên đoàn là tài sản công.

Căn cứ khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công năm 2014 quy định về tiêu chí phân loại Dự án thì *"Dự án thi công san lấp mặt bằng"* tại Trường Đại học T là Dự án xây dựng dân dụng nhóm C (có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng) thì thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Dự án là người đứng đầu các Bộ, Cơ quan Trung ương quyết định chủ trương đầu tư Dự án theo khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công là Chủ tịch Tổng Liên đoàn là phù hợp. Xét thấy, *"Dự án thi công san lấp mặt bằng"* tại Trường Đại học T có tổng mức đầu tư theo hợp đồng là 9.668.003.651 đồng thì thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư phải là Chủ tịch Tổng Liên đoàn và phải thực hiện đấu thầu đúng quy định pháp luật tại Điều 25 Luật Đầu tư công nhưng quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng kinh tế số 01/11/TĐT-NH ngày 11/11/2019 chỉ thể hiện Hiệu trưởng Trường Đại học T chọn nhà thầu và tự xác định nguồn vốn thực hiện là: *"Vốn tự có của Trường và vốn vay"*. Không cung cấp được hồ sơ, tài liệu thể hiện đã thực hiện đúng quy định như nêu trên, cũng như chưa thực hiện đúng Quyết định số 1712/QĐ-TLĐ ngày 24/10/2016 của Chủ tịch Tổng Liên đoàn ban hành cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp của Công đoàn tại điểm a khoản 2 Điều 8 quy định: *"Dự án xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản từ quỹ hoạt động sự nghiệp, sử dụng quỹ hoạt*

động sự nghiệp đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh, liên kết có giá trị từ 02 tỷ đồng trở xuống (trừ ô tô) do đơn vị sự nghiệp quyết định....".

Trước đó, các Dự án của trường Đại học T đầu tư cũng đã được kiểm tra và tại phần Kết luận, Kiến nghị của Kết luận kiểm tra số 1690/KLKT-TLĐ, Tổng Liên đoàn khẳng định: "*Chỉ được phép thanh toán với các nhà thầu, nhà cung cấp khi đã đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định pháp luật.... Đề nghị mời Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được phân cấp theo quy định của pháp luật tiến hành kiểm tra, xác định khối lượng, đơn giá đối với các hạng mục, công trình hoàn thành thuộc các Dự án không tuân thủ quy định của Pháp luật.*". Trong quá trình cấp sơ thẩm giải quyết, bị đơn -Trường Đại học T cũng đã có ý kiến đề nghị Tòa án sơ thẩm tiến hành thẩm định giá lại theo đúng quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó xác định chính xác kết quả thực hiện gói thầu để Trường Đại học T thực hiện thanh toán phần giá trị còn lại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện mà vẫn căn cứ vào các bản quyết toán không đúng pháp luật mà 02 bên đã ký kết để buộc Trường Đại học T thực hiện trả nợ là thiết hại đến tài sản công là vi phạm khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Trường Đại học T trình bày cung cấp thông tin cho Tòa án về việc ngày 14/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM có văn bản số 5748/YC-VPCQCSĐT- Đ1 ngày 14/02/2025 yêu cầu Trường Đại học T cung cấp chứng cứ là đồ vật, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến các Dự án đầu tư xây dựng, mua sắm của Trường Đại học T theo danh sách đính kèm. Do đó, Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh đã cho dừng phiên tòa để xác minh vụ việc Tòa án đang giải quyết có thuộc phạm vi xác minh điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM và ngày 01/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM đã có văn bản số 0202/ QĐ-VPCQCSĐT-Đ3-Q1 trả lời: "*Hợp đồng thi công san lấp mặt bằng giữa Công ty TNHH N và Trường Đại học T liên quan đến gói thầu thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A thuộc Dự án Trường Đại học T cơ sở T, địa điểm xây dựng số 19 đường N, phường T, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh không nằm trong danh sách các Dự án đầu tư xây dựng, mua sắm mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM yêu cầu Trường Đại học T cung cấp theo văn bản số 5748/YC-VPCQCSĐT- Đ1 ngày 14/02/2025 để phục vụ quá trình điều tra, xác minh như nêu trên.*". Xét thấy, việc hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM chưa tiến hành điều tra theo văn bản số 5748/YC-VPCQCSĐT- Đ1 ngày 14/02/2025 nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự để nhanh chóng giải quyết vụ án là phù hợp.

Ngày 18/12/2024, Công ty Giám định V có Văn bản phúc đáp quyết định trưng cầu giám định số 1784/2024/QĐ-TCGD ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định kết quả chênh lệch khối lượng giữa hồ sơ hoàn công san nền và hồ sơ trưng cầu giám định. Xét thấy, chứng thư giám định về khối lượng số 24G03GND03779-01 ngày 04/9/2024 đã kết luận: Tổng cộng khối lượng đo đạc thực tế là 39.673,31m³. Phúc đáp ngày 18/12/2024 của Công ty TNHH Giám định V chỉ xác định khối lượng chênh lệch giữa hồ sơ hoàn

công san nền và hồ sơ trưng cầu giám định sau 4 năm 6 tháng kết thúc san lắp là do độ lún của công trình, chưa xác định lại đơn giá của hạng mục xây dựng tại thời điểm ký hợp đồng do đó để Trường Đại học T thực hiện thanh toán phần giá trị còn lại thì cần phải xác định lại đơn giá thi công tại thời điểm ký kết đối với các hạng mục nêu trên. Cho đến nay chưa có kết luận của Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được phân cấp theo quy định của pháp luật tiến hành kiểm tra, xác định đơn giá đối với các hạng mục, công trình hoàn thành thuộc các Dự án không tuân thủ quy định của pháp luật như nêu trên nên Viện kiểm sát chỉ có ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 21/9/2024, Tòa án nhân dân Quận 7 đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 118/2023/KDTM-ST. Ngày 28/9/2023, bị đơn có đơn kháng cáo; ngày 04/10/2023, nguyên đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn là còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty TNHH N khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công đối với Bị đơn là trường Đại học T có trụ sở tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 7 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 7 nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn trường Đại học T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: đề nghị xem xét giá trị còn lại của hợp đồng để xác định chính xác số tiền mà trường Đại học T còn phải thanh toán cho công ty N; xác định số tiền phạt hợp đồng và lãi suất chậm trả trên cơ sở xác định lại số tiền còn phải thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ngày 11/11/2019, Công Ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có ký Hợp đồng kinh tế “V/V giao nhận thầu xây lắp”, số 01/11/TĐT-NH/11/11/2019 với Trường Đại học T. Gói thầu “Thi công san lấp mặt bằng tại khu 3 (bao gồm từ lô 1 đến lô 6A), công trình Trường Đại học T, cơ sở T, địa điểm: Số 19 đường N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; thời gian thi công là 55 ngày.

Công ty N cho rằng công ty đã thi công và bàn giao công trình vào ngày 02/10/2020 nhưng Trường Đại học T còn nợ số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng

là 5.032.140.448 (năm tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng và lãi chậm thanh toán tính từ ngày 16/10/2020, mỗi ngày 30.000.000 (ba mươi triệu đồng).

Bản án sơ thẩm ghi nhận phía trường Đại học T xác nhận gói thầu đã được Công ty N thi công nhưng chưa ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, chưa tổ chức thực hiện quyết toán công trình. Trường Đại học T cho rằng do các bên chưa ký biên bản nghiệm thu nên không xác định được khối lượng thi công và yêu cầu trưng cầu giám định khối lượng thi công thực tế của công ty N. Nhận thấy yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã Quyết định trưng cầu giám định tại Quyết định số 1784/2024/QĐ-TCGD ngày 26/4/2024. Thực hiện Quyết định trưng cầu giám định số 1784 của Tòa án, Công ty TNHH giám định V đã thực hiện việc giám định với kết luận giám định tại Chứng thư số 24G03GBD03779-01 ngày 04/9/2024. Kết quả giám định như sau: Tổng khối lượng đắp các lô từ 01 đến 07 (trong đó có lô 6A, 6B, 7.2, 7.1) là 39.673,31m³.

Công ty N không đồng ý với kết luận giám định vì cho rằng khối lượng của kết luận giám định là không chính xác khối lượng mà công ty N đã thi công vì các lý do:

Thời gian hoàn thành việc thi công san lấp từ tháng 01/2020, thời điểm nghiệm thu là tháng 10/2020 nhưng thời điểm giám định là tháng 8/2024. Việc giám định sau gần 4 năm nên có thay đổi về cao độ giữa hai thời điểm. Cao độ giảm do nền hạ, sụt lún theo thời gian, yếu tố thời tiết, cách lấy tọa độ để tính cao độ trung bình khác nhau.

Phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu là hồ sơ xác nhận khối lượng, giá trị và biên bản nghiệm thu ngày 02/10/2020 để chứng minh khối lượng thi công là 54.295,9m³. Các tài liệu do nguyên đơn nộp đều chưa có chữ ký và con dấu của đại diện pháp luật trường Đại học T. Bị đơn tại phiên tòa cũng xác định do thời điểm tháng 10/2020 đại diện pháp luật của trường là hiệu trưởng Lê Vinh D bị kỷ luật nên không có người đủ thẩm quyền ký. Thời điểm hiện tại phía bị đơn cũng không xác nhận nội dung các tài liệu này mà đề nghị trưng cầu giám định để xác định khối lượng thực tế công ty N thi công.

Để làm rõ việc chênh lệch khối lượng do phía nguyên đơn trình bày và kết luận giám định của công ty V, Hội đồng xét xử đã yêu cầu Công ty V giải đáp về chênh lệch khối lượng san lấp mặt bằng tại trường Đại học T nêu trên. Tại Công văn ngày 18/12/2024. V cho biết có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả chênh lệch khối lượng giữa hồ sơ hoàn công san nền và hồ sơ trưng cầu giám định, cụ thể: Do công trình có vị trí nằm ở cù lao giữa Rạch Ông Lớn và Rạch Tự Dinh trước khi san lấp thì khu vực này có nền đất yếu. Tại thời điểm vừa san nền xong công trình chưa bị lún. Khi đưa vào vận hành sử dụng, khu vực san lấp còn bị xói mòn, hao hụt do tác động thời tiết trong nhiều năm, sự thay đổi của hệ số nén chặt...Nhu vậy, có căn cứ để xác định khối lượng san lấp mặt bằng do tổ chức giám định là V cung cấp chỉ đúng tại thời điểm hiện tại, chưa phản ánh chính xác khối lượng thực tế tại thời điểm thi công. Ý kiến của nguyên đơn công

ty N cho rằng khối lượng giám định không đúng với khối lượng công ty N đã thi công tại thời điểm bàn giao công trình là có căn cứ.

Xét ý kiến của trường Đại học T và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp đồng các bên ký kết xác định sai nguồn vốn dẫn đến các sai phạm về thẩm quyền ký kết: Mặc dù dự án thi công san lấp mặt bằng khu 3 tại Hợp đồng số 01 là không thuộc phạm vi thanh tra theo Kết luận 1690 của Tổng Liên đoàn cũng như không nằm trong danh sách các dự án đầu tư xây dựng mua sắm mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu trường Đại học T cung cấp theo Văn bản số 5748/YC-VPCQCSĐT-ĐT ngày 14/02/2025. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trường Đại học T được thành lập theo Quyết định số 787-TTg ngày 24/9/1997 do Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh sáng lập và quản lý với tên gọi ban đầu là trường Đại học công nghệ dân lập T. Tính đến ngày 11/6/2008 trường đổi tên thành trường Đại học T, là đại học công lập và trực thuộc Tổng Liên đoàn.

Kết luận 1690/KLKT ngày 07/11/2019 của Tổng Liên đoàn là cơ quan chủ quản của Đại học T đã dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, ý kiến kết luận của Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước xác định nguồn vốn của trường Đại học T thực hiện đầu tư là nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách. Như vậy, dự án thi công san lấp mặt bằng khu 3 tại Hợp đồng số 01 được các bên xác lập và thực hiện vào ngày 11/11/2019 là sau khi trường Đại học T trở thành Đại học công lập nên nguồn vốn là vốn nhà nước ngoài ngân sách và phải được thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công, Luật xây dựng và Luật đấu thầu. Chủ thể tham gia ký kết hợp đồng số 01 cũng như quy trình đấu thầu trước khi ký hợp đồng số 01 giữa đại học T và công ty N xác định nguồn vốn tự có là chưa phù hợp với các quy định pháp luật nêu trên.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, như đã phân tích ở trên, nhận thấy không chỉ cần phải thu thập thêm các tài liệu chứng cứ để thực hiện giám định chính xác khối lượng thi công tại thời điểm bàn giao công trình mà còn phải xem xét lại về quy trình đấu thầu dự án, thẩm quyền ký kết hợp đồng có đúng quy định pháp luật hay không. Từ đó xem xét có cần thiết phải thực hiện việc định giá lại về giá trị xây dựng hay không; cũng như xác định lỗi của các bên trong việc thực hiện hợp đồng này tránh thiệt hại cho ngân sách nhà nước nhưng cũng không gây thiệt hại cho công ty N là bên thi công nếu công ty N không có lỗi trong việc ký kết hợp đồng. Bên cạnh đó, khối lượng thi công các lô phát sinh (7.1, 7.2) chưa thể hiện trên hợp đồng, chưa được các bên thống nhất xác nhận nhưng cũng chưa được xác minh làm rõ. Cần thiết phải thu thập thêm các tài liệu chứng cứ và làm rõ các nội dung này mới giải quyết triệt để vụ án nhưng cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, trường Đại học T, hủy bản án sơ thẩm số 118/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7 để giải quyết lại theo quy định

pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét các nội dung kháng cáo còn lại của các đương sự.

Ghi nhận Công ty N tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã hoàn thành việc nộp phí.

Về chi phí giám định, trường Đại học T yêu cầu thực hiện việc giám định nên có nghĩa vụ thanh toán tạm ứng chi phí giám định là 43.200.000 (bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) theo Thông báo số 0304207782 ngày 12/5/2025 của Công ty TNHH Giám định V. Trường Đại học T chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí giám định.

Nghĩa vụ nộp các chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi xét xử lại vụ án.

[4] Về án phí:

Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 118/2023/KDTM-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Công ty TNHH N tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm là 2.000.000 (hai triệu đồng) và đã hoàn thành việc nộp phí.

2.2. Trường Đại học T có nghĩa vụ thanh toán tạm ứng chi phí giám định là 43.200.000 (bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo Thông báo số 0304207782 ngày 12/5/2025 của Công ty TNHH Giám định V. Trường Đại học T chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Được quyết định khi giải quyết lại tại thủ tục sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm: Trường Đại học T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 3.000.000 (ba triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0037196 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0037307 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai

